

Số: 507 /BV-KD

Nghệ An, ngày 30 tháng 01 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu.

Bệnh viện HNĐK Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn đấu thầu cho gói thầu Mua sắm các mặt hàng sử dụng trong chuyên khoa hồi sức tích cực, lọc máu, huyết học lâm sàng, thận nhân tạo, phẫu thuật thần kinh cột sống, chấn thương chỉnh hình, răng hàm mặt, x-quang tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An trong thời gian 24 tháng năm 2026-2028.

Danh mục hàng hóa gồm 232 phần hàng hóa (331 mặt hàng) và giá gói thầu dự kiến: 282.420.646.660 đồng. (Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ tên: Đào Minh Chiến
 - Chức vụ: Nhân viên khoa Dược
 - Số điện thoại: 0397362302
 - Địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện HNĐK Nghệ An - Km số 5, đại lộ Lê Nin, Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.
 - Email: tvdt.p206@gmail.com
- Hình thức tiếp nhận báo giá: Trực tiếp. (Ghi chú: để đảm bảo tình trạng Phong thư báo giá còn nguyên vẹn đến hết thời hạn tiếp nhận báo giá, đề nghị quý Công ty ghi rõ "Báo giá dịch vụ tư vấn đấu thầu cho nhiệm vụ Lập E-HSMT hoặc Đánh giá E-HSĐT hoặc Thẩm định KQLCNT).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày kết thúc tiếp nhận báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.



II. Nội dung yêu cầu báo giá:

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ghi chú
1	Tư vấn lập E-HSMT cho gói thầu Mua sắm các mặt hàng sử dụng trong chuyên khoa hồi sức tích cực, lọc máu, huyết học lâm sàng, thận nhân tạo, phẫu thuật thần kinh cột sống, chấn thương chỉnh hình, răng hàm mặt, x-quang tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An trong thời gian 24 tháng năm 2026-2028.	1	Gói	Tư vấn lập E-HSMT cho gói thầu Mua sắm các mặt hàng sử dụng trong chuyên khoa hồi sức tích cực, lọc máu, huyết học lâm sàng, thận nhân tạo, phẫu thuật thần kinh cột sống, chấn thương chỉnh hình, răng hàm mặt, x-quang tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An trong thời gian 24 tháng năm 2026-2028.	Bệnh viện HNĐK Nghệ An	- Yêu cầu Tổ chuyên gia thực hiện lập E-HSMT có nhân sự đáp ứng yêu cầu tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. - Tiến độ thực hiện nhiệm vụ: Thời gian lập E-HSMT không quá 06 ngày.
2	Tư vấn đánh giá E-HSMT cho gói thầu Mua sắm các mặt hàng sử dụng trong chuyên khoa hồi sức tích cực, lọc máu, huyết học lâm sàng, thận nhân tạo, phẫu thuật thần kinh cột sống, chấn thương chỉnh hình, răng hàm mặt, x-quang tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An trong thời gian 24 tháng năm 2026-2028.	1	Gói	Tư vấn đánh giá E-HSMT cho gói thầu Mua sắm các mặt hàng sử dụng trong chuyên khoa hồi sức tích cực, lọc máu, huyết học lâm sàng, thận nhân tạo, phẫu thuật thần kinh cột sống, chấn thương chỉnh hình, răng hàm mặt, x-quang tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An trong thời gian 24 tháng năm 2026-2028.	Bệnh viện HNĐK Nghệ An	- Yêu cầu Tổ chuyên gia thực hiện đánh giá E-HSMT có nhân sự đáp ứng các tiêu chí sau: 1. Đáp ứng yêu cầu tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. 2. Tối thiểu 02 nhân sự hoàn thành tối thiểu 02 hợp đồng tư vấn tương tự, trong đó mỗi hợp đồng yêu cầu việc đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu 331 mặt hàng/thiết bị (Bản chụp chứng thực hợp đồng và Quyết định thành lập tổ chuyên gia/ Quyết định bổ nhiệm và bản phân công nhiệm vụ và tài liệu khác chứng minh đã hoàn thành hợp đồng). 3. Tối thiểu 01 nhân sự có Hồ sơ công bố đủ điều kiện tư vấn về kỹ thuật thiết bị y tế được công khai trên cổng thông tin của Bộ Y tế. - Tiến độ thực hiện nhiệm vụ: Thời gian đánh giá E-HSMT không quá 45 ngày không bao gồm thời gian làm rõ E-HSMT.

nh

BÊN
JU W
/ 2

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ghi chú
3	Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm các mặt hàng sử dụng trong chuyên khoa hồi sức tích cực, lọc máu, huyết học lâm sàng, thận nhân tạo, phẫu thuật thần kinh cột sống, chấn thương chỉnh hình, răng hàm mặt, x-quang tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An trong thời gian 24 tháng năm 2026-2028.	1	Gói	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm các mặt hàng sử dụng trong chuyên khoa hồi sức tích cực, lọc máu, huyết học lâm sàng, thận nhân tạo, phẫu thuật thần kinh cột sống, chấn thương chỉnh hình, răng hàm mặt, x-quang tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An trong thời gian 24 tháng năm 2026-2028.	Bệnh viện HNĐK Nghệ An	- Tổ thẩm định có thành viên đáp ứng yêu cầu tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. - Tiến độ thực hiện nhiệm vụ: không quá 07 ngày.

ch

Lưu ý:

- Đơn vị báo giá cho nhiệm vụ số thứ tự 3 (thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu) thì không được phép báo giá cho một trong các nhiệm vụ còn lại và ngược lại.

- **Hồ sơ chào giá gồm:**

- + Báo giá: Như mẫu báo giá kèm theo tại Phụ lục 2.
- + Hồ sơ năng lực kinh nghiệm:
 1. Giấy phép kinh doanh.
 2. Thông tin về nhân sự chủ chốt kèm chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.
 3. Tài liệu chứng minh đã hoàn thành các hợp đồng tư vấn tương tự (Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bản chụp chứng thực hợp đồng, biên bản nghiệm thu/ thanh lý, Quyết định thành lập Tổ chuyên gia/Tổ thẩm định).

Báo giá và Hồ sơ năng lực của Quý công ty sẽ là căn cứ để Bệnh viện thực hiện các bước tiếp theo của quy trình mua sắm, rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (để b/c);
- Website bệnh viện;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC**Nguyễn Văn Hương**

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA
 (Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 507 /BV-KD ngày 30 tháng 01 năm 2026
 của Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An)

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
1	NT.BQLHP.2.Q	Bộ quả lọc trong kỹ thuật hấp phụ phân tử	Bộ quả lọc trong kỹ thuật hấp phụ phân tử	Quả/Bộ/Cái/C hiếc
2	NT.DDTPM.CE	Dung dịch thẩm phân đậm đặc		Bộ
2.1	NT.DDTPM.A.CE		Dung dịch thẩm phân đậm đặc A	Can
2.2	NT.DDTPM.B.CE		Dung dịch thẩm phân đậm đặc B	Can
3	NT.DDTPM	Dung dịch thẩm phân đậm đặc		Bộ
3.1	NT.DDTPM.A		Dung dịch thẩm phân đậm đặc A	Can
3.2	NT.DDTPM.B		Dung dịch thẩm phân đậm đặc B	Can
4	NT.DLT	Bộ dây lọc máu dùng trong thận nhân tạo	Bộ dây lọc máu dùng trong thận nhân tạo	Bộ
5	NT.QLT.HDF	Quả lọc thận nhân tạo lưu lượng cao dùng trong chạy HDF	Quả lọc thận nhân tạo lưu lượng cao dùng trong chạy HDF	Quả/Bộ/Cái/ Chiếc
6	NT.QLNDT.HDF	Quả lọc nội độc tố dùng cho máy chạy HDF	Quả lọc nội độc tố dùng cho máy chạy HDF	Quả/Bộ/Cái/ Chiếc
7	NT.DLT.HDF	Dây dẫn dịch bù trong lọc máu HDF	Dây dẫn dịch bù trong lọc máu HDF	Bộ/Cái/Chiếc
8	NT.PLBC	Phin lọc bạch cầu cho hồng cầu	Phin lọc bạch cầu cho hồng cầu	Bộ/Cái/Chiếc
9	NT.KLT	Kim chạy thận nhân tạo	Kim chạy thận nhân tạo	Cái/Chiếc
10	NT.NBCT	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	Cái/Chiếc
11	HS.OTLM.2N	Ống thông (Catheter) lọc máu 2 nòng	Ống thông (Catheter) lọc máu 2 nòng	Bộ/Cái/Chiếc
12	NT.QLT.1	Quả lọc nhân tạo diện tích màng $\geq 1,6m^2$	Quả lọc nhân tạo diện tích màng $\geq 1,6m^2$	Quả/Bộ/Cái/ Chiếc
13	NT.QLT.2	Quả lọc nhân tạo diện tích màng $\geq 1,5m^2$ và $< 1,7m^2$	Quả lọc nhân tạo diện tích màng $\geq 1,5m^2$ và $< 1,7m^2$	Quả/Bộ/Cái/ Chiếc
14	NT.A.CITRIC	Acid citric	Acid citric	Kg
15	NT.MV	Muối viên	Muối viên	Kg
16	NT.DDRQL	Dung dịch rửa quả lọc thận nhân tạo	Dung dịch rửa quả lọc thận nhân tạo	Lít

TH

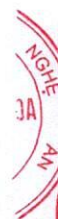
STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
17	NT.CLORINE	Que thử nồng độ Clorine	Que thử nồng độ Clorine	Que/Test
18	NT.PERACETIC	Que thử nồng độ Acid Peracetic	Que thử nồng độ Acid Peracetic	Que/Test
19	NT.PEROXIDE	Que thử tồn dư Peroxide	Que thử tồn dư Peroxide	Que/Test
20	NT.QTĐC	Que thử độ cứng trong nước chạy thận nhân tạo	Que thử độ cứng trong nước chạy thận nhân tạo	Que/Test
21	GM.DN	Đầu nối 2 đầu chờ của 2 catheter với nhau	Đầu nối 2 đầu chờ của 2 catheter với nhau	Cái/Chiếc
22	HS.HDK	Bộ hút đờm kín	Bộ hút đờm kín	Bộ/Hộp/Cái/Chiếc/Túi
23	HS.ONDMT.1	Ống nối dây thở máy	Ống nối dây thở máy	Cái/Chiếc
24	GM.ART	Ống thông (Catheter) động mạch	Ống thông (Catheter) động mạch	Bộ/Cái/Chiếc
25	GM.KIMGAYTE	Kim gây tê đám rối thần kinh	Kim gây tê đám rối thần kinh	Cái/Chiếc
26	GM.MATNATQ	Mask (mặt nạ) thanh quản 2 nòng	Mask (mặt nạ) thanh quản 2 nòng	Bộ/Cái/Chiếc
27	GM.NKQ.LOXO	Ống nội khí quản lò xo	Ống nội khí quản lò xo	Bộ/Cái/Chiếc
28	GM.NUOCCAT	Nước cất 2 lần	Nước cất 2 lần	Lít
29	HS.MKQ	Canuyn (ống) mở khí quản	Canuyn (ống) mở khí quản	Cái/Chiếc
30	HS.OTTM.2N	Ống thông (Catheter) tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Ống thông (Catheter) tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Bộ/Cái/Chiếc
31	HS.OTTM.3N	Ống thông (Catheter) tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Ống thông (Catheter) tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Bộ/Cái/Chiếc
32	NT.BCT	Bộ chuyển tiếp	Bộ chuyển tiếp	Cái/Chiếc
33	NT.OTLM.2N.C	Catheter hai nòng có Cuff trong chạy thận nhân tạo	Ống thông (Catheter) hai nòng có Cuff trong chạy thận nhân tạo	Bộ/Cái/Chiếc
34	HS.CB	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	Bộ/Cái/Chiếc
35	HS.CĐMECMO.1	Canuyn động mạch ECMO cho người lớn	Canuyn động mạch ECMO cho người lớn	Bộ/Cái/Chiếc

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
36	HS.CĐMECMO.2	Canuyn động mạch ECMO	Canuyn động mạch ECMO	Bộ/Cái/Chiếc
37	HS.CTMECMO.1	Canuyn tĩnh mạch ECMO cho người lớn	Canuyn tĩnh mạch ECMO cho người lớn	Bộ/Cái/Chiếc
38	HS.DĐM	Bộ dẫn đường động mạch	Bộ dẫn đường động mạch	Bộ
39	T.B.CODINH.CLO	Miếng dán kháng khuẩn cố định catheter tĩnh mạch trung tâm	Miếng dán kháng khuẩn cố định ống thông (Catheter) tĩnh mạch trung tâm	Cái/Chiếc
40	HS.CTMECMO.2	Canuyn tĩnh mạch ECMO	Canuyn tĩnh mạch ECMO	Bộ/Cái/Chiếc
41	HS.QLMHP.CAO	Quả lọc máu hấp phụ Cytokin tốc độ cao	Quả lọc máu hấp phụ Cytokin tốc độ cao	Quả/Cái/ Chiếc
42	HS.DLMLT.Di	Bộ dây dẫn sử dụng cho máy lọc máu liên tục	Bộ dây dẫn sử dụng cho máy lọc máu liên tục	Bộ
43	HS.DLTHT.Di	Bộ dây dẫn tách huyết tương	Bộ dây dẫn tách huyết tương	Bộ
44	HS.DTM	Bộ dẫn đường tĩnh mạch	Bộ dẫn đường tĩnh mạch	Bộ
45	HS.ECMO.Ma	Bộ tim phổi nhân tạo ECMO	Bộ tim phổi nhân tạo ECMO	Bộ
46	HS.ECMO.Te	Bộ tim phổi nhân tạo ECMO trong hồi sức cấp cứu	Bộ tim phổi nhân tạo ECMO trong hồi sức cấp cứu	Bộ
47	HS.OTĐM	Catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ	Ống thông (Catheter) động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ	Bộ/Cái/Chiếc
48	HS.QLHT.Di	Quả lọc tách huyết tương	Quả lọc tách huyết tương	Quả/Cái/ Chiếc
49	HS.QLHT.Pr	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương	Bộ/Kit/ Quả/Cái/ Chiếc
50	HS.QLM.Di	Quả lọc máu sử dụng cho máy lọc máu liên tục	Quả lọc máu sử dụng cho máy lọc máu liên tục	Quả/Bộ/Cái/ Chiếc
51	HS.QLMHP	Quả lọc máu hấp phụ Cytokin	Quả lọc máu hấp phụ Cytokin	Quả/Bộ/Cái/ Chiếc
52	HS.TĐCO2	Bộ trao đổi khí loại thải CO2 hỗ trợ chức năng phổi	Bộ trao đổi khí loại thải CO2 hỗ trợ chức năng phổi	Bộ
53	HS.TDHTT	Bộ tấm dán hạ thân nhiệt bề mặt chi huy	Bộ tấm dán hạ thân nhiệt bề mặt chi huy	Bộ/Túi/Tấm/ Miếng
54	HS.DOXY.AIRVO	Bộ bình làm ẩm và dây thở dòng cao	Bộ bình làm ẩm và dây thở dòng cao	Bộ

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
55	HS.GOXY.AIRVO	Gọng mũi người lớn bắt đối xứng các cỡ thở dòng cao	Gọng mũi người lớn bắt đối xứng các cỡ thở dòng cao	Cái/Chiếc
56	HS.MKQ.2N	Ống mở khí quản hai nòng hút trên cốp	Ống mở khí quản hai nòng hút trên cốp	Bộ
57	HS.QLM.H.Pr	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin	Bộ/Kit/ Quả/Cái/ Chiếc
58	HS.QLM.Pr	Bộ quả lọc máu liên tục	Bộ quả lọc máu liên tục	Bộ/Kit/ Quả/Cái/ Chiếc
59	XQ.P.20x25	Phim X - Quang kỹ thuật số 20x25cm	Phim X - Quang kỹ thuật số 20x25cm	Tờ/Tấm
60	XQ.P.25x30	Phim X - Quang kỹ thuật số 25x30cm	Phim X - Quang kỹ thuật số 25x30cm	Tờ/Tấm
61	XQ.P.35x43	Phim X - Quang kỹ thuật số 35x43cm	Phim X - Quang kỹ thuật số 35x43cm	Tờ/Tấm
62	XQ.DNBTD.BCQ	Dây nối bơm tiêm điện dùng cho bơm thuốc cản quang	Dây nối bơm tiêm điện dùng cho bơm thuốc cản quang	Cái/Túi
63	XQ.BBCQ.2N.Se	Bộ ống bơm tiêm thuốc tương phản từ 2 nòng	Bộ ống bơm tiêm thuốc tương phản từ 2 nòng	Bộ
64	XQ.BBCQ.1N.CT	Bộ ống bơm thuốc cản quang 1 nòng dùng cho máy CT-NE-200	Bộ ống bơm thuốc cản quang 1 nòng dùng cho máy CT-NE-200	Bộ
65	XQ.BBCQ.1N.Ma	Bộ ống bơm thuốc cản quang 1 nòng dùng cho máy bơm tiêm thuốc cản quang 1 nòng Optione Mallinckrodt	Bộ ống bơm thuốc cản quang 1 nòng dùng cho máy bơm tiêm thuốc cản quang 1 nòng Optione Mallinckrodt	Bộ
66	XQ.BBCQ.2N.St	Bộ ống bơm thuốc cản quang 2 nòng	Bộ ống bơm thuốc cản quang 2 nòng	Bộ
67	HHLS.BKTHT	Bộ kit tách huyết tương	Bộ kit tách huyết tương	Bộ
68	HHLS.BKTM	Bộ kit tách bạch cầu, tách tiểu cầu, tế bào gốc	Bộ kit tách bạch cầu, tách tiểu cầu, tế bào gốc	Bộ
69	HS.DMT	Dây nối máy thở dùng 1 lần loại 2 bể nước	Dây nối máy thở dùng 1 lần loại 2 bể nước	Bộ
70	HS.IBP	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ/Hộp/ Cái/Chiếc
71	HHLS.KCH	Kim chọc hút tủy xương	Kim chọc hút tủy xương	Cái/Chiếc
72	HHLS.KST	Kim sinh thiết dùng một lần	Kim sinh thiết dùng một lần	Cái/Chiếc
73	HS.LK	Phin lọc vi khuẩn	Phin lọc vi khuẩn	Cái/Chiếc

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
74	HS.MOXT.1	Bộ mặt nạ (Mask) thở oxy có túi dự trữ	Bộ mặt nạ (Mask) thở oxy có túi dự trữ	Bộ
75	HS.NKQ.1	Ống nội khí quản	Ống nội khí quản	Cái/Chiếc
76	HM.MKXMN	Mũi khoan mini	Mũi khoan mini	Cái/Chiếc
77	HM.MKXMX	Mũi khoan maxi	Mũi khoan maxi	Cái/Chiếc
78	HM.CT	Chỉ thép	Chỉ thép	Cái/Chiếc/ Cuộn
79	HM.VMN	Vít xương Mini	Vít xương Mini	Cái/Chiếc
80	HM.VMX	Vít xương Maxi	Vít xương Maxi	Cái/Chiếc
81	HM.NMN	Nẹp Mini thẳng	Nẹp Mini thẳng	Cái/Chiếc
82	HM.NMX	Nẹp Maxi thẳng	Nẹp Maxi thẳng	Cái/Chiếc
83	HM.VNC	Vít neo chặn	Vít neo chặn	Cái/Chiếc
84	HM.MKR.C	Mũi khoan cắt răng tay chậm	Mũi khoan cắt răng tay chậm	Cái/Chiếc
85	HM.MKR.N	Mũi khoan cắt răng tay nhANH	Mũi khoan cắt răng tay nhANH	Cái/Chiếc
86	PT.BNV.TG	Bộ vít đa trục, ốc khóa trong tự gãy, nẹp dọc cột sống ngực lưng		Bộ
86.1	PT.BNV.TG.V		Vít đa trục dùng với ốc khóa trong tự gãy	Cái/Chiếc
86.2	PT.BNV.TG.O		Ốc khóa trong tự gãy	Cái/Chiếc
86.3	PT.BNV.TG.N		Nẹp dọc cột sống ngực lưng	Cái/Chiếc
87	PT.BNV.5.5	Bộ vít đa trục, ốc khóa trong, nẹp dọc cột sống ngực lưng 5,5		Bộ
87.1	PT.BNV.5.5.V		Vít đa trục dùng với nẹp dọc cột sống ngực lưng 5,5	Cái/Chiếc
87.2	PT.BNV.5.5.O		Ốc khóa trong	Cái/Chiếc
87.3	PT.BNV.5.5.N		Nẹp dọc cột sống ngực lưng 5,5	Cái/Chiếc
88	PT.BNV.P	Bộ vít đa trục phủ Hydroxylapatite có kèm ốc khóa trong, nẹp dọc		Bộ
88.1	PT.BNV.P.VO		Vít đa trục phủ Hydroxylapatite có kèm ốc khóa trong	Cái/Chiếc

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
88.2	PT.BNV.P.N		Nẹp dọc cho vít đa trục ngực - lưng	Cái/Chiếc
89	PT.BNV.6.0	Bộ vít, ốc, nẹp dọc cột sống ngực lưng 6,0		Bộ
89.1	PT.BNV.6.0.V		Vít đa trục kèm ốc khóa trong	Cái/Chiếc
89.2	PT.BNV.6.0.O		Ốc khóa trong	Cái/Chiếc
89.3	PT.BNV.6.0.N		Nẹp dọc	Cái/Chiếc
90	PT.BNV.RĐ	Bộ nẹp, vít, ốc ren kép		Bộ
90.1	PT.BNV.RĐ.V		Vít đa trục ren kép	Cái/Chiếc
90.2	PT.BNV.RĐ.O		Ốc khóa trong	Cái/Chiếc
90.3	PT.BNV.RĐ.N		Nẹp dọc	Cái/Chiếc
91	PT.BNV.475	Bộ vít, ốc, nẹp 4,75		Bộ
91.1	PT.BNV.475.V		Vít đa trục	Cái/Chiếc
91.2	PT.BNV.475.O		Ốc khóa trong	Cái/Chiếc
91.3	PT.BNV.475.N		Nẹp dọc	Cái/Chiếc
92	PT.BNV.QD	Bộ vít, ốc, nẹp qua da		Bộ
92.1	PT.BNV.QD.V		Vít rộng nông	Cái/Chiếc
92.2	PT.BNV.QD.O		Ốc khóa trong	Cái/Chiếc
92.3	PT.BNV.QD.N		Nẹp dọc uốn sẵn	Cái/Chiếc
92.4	PT.BNV.QD.K		Kim chọc dò cuống sống	Cái/Chiếc
93	PT.MG.L.C.1	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại cong	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại cong	Cái/Chiếc
94	PT.MG.L.C.2	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại cong	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại cong	Cái/Chiếc
95	PT.MG.L.T.1	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại thẳng	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại thẳng	Cái/Chiếc
96	PT.MG.L.T.2	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại thẳng	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại thẳng	Cái/Chiếc
97	PT.PTNS.2C.A	Bộ nội soi cột sống 2 cổng		Bộ
97.1	PTNS.2C.A.Đ1		Lưỡi cắt đốt 90°	Cái/Chiếc
97.2	PTNS.2C.A.Đ2		Lưỡi cắt đốt thẳng (cong)	Cái/Chiếc
97.3	PT.PTNS.2C.A.D		Dây nước	Cái/Chiếc

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
97.4	PTNS.2C.A.MMP		Mũi mài xương (mũi phá)	Cái/Chiếc
97.5	PTNS.2C.A.MMK C		Mũi mài xương kim cương	Cái/Chiếc
98	PT.PTNS.2C.B	Bộ nội soi cột sống 2 cổng		Bộ
98.1	PTNS.2C.B.Đ1		Lưỡi cắt đốt 90°	Cái/Chiếc
98.2	PTNS.2C.B.Đ2		Lưỡi cắt đốt thẳng (cong)	Cái/Chiếc
98.3	PT.PTNS.2C.B.D		Dây nước	Cái/Chiếc
98.4	PTNS.2C.B.MMK C		Mũi mài xương kim cương	Cái/Chiếc
99	PT.PTNS.1C	Bộ nội soi cột sống 1 cổng		Bộ
99.1	PT.PTNS.1C.Đ		Đầu đốt RF	Cái/Chiếc
99.2	PT.PTNS.1C.D		Dây nước	Cái/Chiếc
99.3	PT.PTNS.1C.MM		Mũi mài	Cái/Chiếc
100	PT.MG.CSC.KV	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ kèm theo vít	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ kèm theo vít	Cái/Chiếc
101	PT.KĐSCT	Đốt sóng cao tần	Đốt sóng cao tần	Cái/Chiếc
102	PT.ĐĐ.CNT	Đĩa đệm nhân tạo cổ	Đĩa đệm nhân tạo cổ	Cái/Chiếc
103	PT.BXM.B	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng	Bộ
104	PT.BXM.KB	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không có bóng	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không có bóng	Bộ
105	PT.XNT	Xương nhân tạo	Xương nhân tạo	Hộp/Lọ/Cái/ Chiếc/Ổng
106	PT.XNT.K2	Xương nhân tạo uốn dẻo 3 cm	Xương nhân tạo uốn dẻo 3 cm	Hộp/Cái/ Chiếc
107	PT.TĐS	Thân đốt sống nhân tạo	Thân đốt sống nhân tạo	Cái/Chiếc
108	PT.BNV.CS	Bộ vít ốc nẹp cổ sau		Bộ
108.1	PT.BNV.CS.V		Vít cổ sau đa trục	Cái/Chiếc

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
108.2	PT.BNV.CS.O		Ốc khóa trong cho vít cổ sau đa trục	Cái/Chiếc
108.3	PT.BNV.CS.N		Nẹp dọc cho vít cổ sau đa trục	Cái/Chiếc
109	PT.BNV.CT.1T	Bộ nẹp, vít, đĩa đệm cổ trước 1 tầng		Bộ
109.1	PT.BNV.CT.1T.N		Nẹp cổ trước 1 tầng	Cái/Chiếc
109.2	PT.BNV.CT.1T.V		Vít cột sống cổ trước	Cái/Chiếc
109.3	PT.BNV.CT.1T.Đ		Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ	Cái/Chiếc
110	PT.BNV.CT.2T	Bộ nẹp, vít, đĩa đệm cổ trước 2 tầng		Bộ
110.1	PT.BNV.CT.2T.N		Nẹp cổ trước 2 tầng	Cái/Chiếc
110.2	PT.BNV.CT.2T.V		Vít cột sống cổ trước	Cái/Chiếc
110.3	PT.BNV.CT.2T.Đ		Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ	Cái/Chiếc
111	PT.BNV.CT.3T	Bộ nẹp, vít, đĩa đệm cổ trước 3 tầng		Bộ
111.1	PT.BNV.CT.3T.N		Nẹp cổ trước 3 tầng	Cái/Chiếc
111.2	PT.BNV.CT.3T.V		Vít cột sống cổ trước	Cái/Chiếc
111.3	PT.BNV.CT.3T.Đ		Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ	Cái/Chiếc
112	PT.N.NG	Nẹp nối ngang dùng cho nẹp dọc 5,5mm	Nẹp nối ngang dùng cho nẹp dọc 5,5mm	Cái/Chiếc
113	PT.V.SN	Vít sọ não 2,0	Vít sọ não 2,0	Cái/Chiếc
114	PT.LKS.10	Lưới vá khuyết sọ 100x100	Lưới vá khuyết sọ 100x100	Miếng/Cái/Chiếc
115	PT.LKS.15	Lưới vá khuyết sọ 150x150	Lưới vá khuyết sọ 150x150	Miếng/Cái/Chiếc
116	PT.LKS.20	Lưới vá khuyết sọ 200x200	Lưới vá khuyết sọ 200x200	Miếng/Cái/Chiếc
117	PT.LKS.15.3D	Lưới vá sọ 3D (Miếng vá khuyết sọ 3D titan 150 x 150 mm)	Lưới vá sọ 3D (Miếng vá khuyết sọ 3D titan 150 x 150 mm)	Miếng/Cái/Chiếc
118	PT.LKS.20.3D	Lưới vá sọ 3D (Miếng vá khuyết sọ 3D titan 200 x 200 mm)	Lưới vá sọ 3D (Miếng vá khuyết sọ 3D titan 200 x 200 mm)	Miếng/Cái/Chiếc
119	PT.DLNT.OB	Bộ dẫn lưu não thất ổ bụng	Bộ dẫn lưu não thất ổ bụng	Bộ
120	PT.DLNT.RN	Bộ dẫn lưu não thất ra ngoài	Bộ dẫn lưu não thất ra ngoài	Bộ
121	PT.DLNT.OB.AL	Dẫn lưu não thất ổ bụng điều chỉnh được áp lực	Dẫn lưu não thất ổ bụng điều chỉnh được áp lực	Bộ

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
122	PT.N.20	Nẹp sọ não thẳng 20 lỗ	Nẹp sọ não thẳng 20 lỗ	Cái/Chiếc
123	PT.DCSN	Dây cưa sọ não	Dây cưa sọ não	Cái/Chiếc
124	PT.CM.SAP	Sáp cầm máu xương	Sáp cầm máu xương	Miếng/Gói
125	PT.CM.VL.G	Vật liệu cầm máu gelatin	Vật liệu cầm máu gelatin	Cái/Chiếc/ Miếng
126	PT.CM.VL.C	Vật liệu cầm máu cellulose	Vật liệu cầm máu cellulose	Miếng
127	PT.CM.BOT	Bột cầm máu tự tiêu, cỡ 3g	Bột cầm máu tự tiêu	Kit/Lọ/Ống
128	PT.CM.VL.K	Keo cầm máu	Keo cầm máu	Bộ
129	PT.MVMC.A	Miếng keo sinh học dán màng cứng, chống rò dịch 45x45	Miếng keo sinh học dán màng cứng, chống rò dịch	Miếng
130	PT.MVMC.B	Miếng vá màng cứng	Miếng vá màng cứng	Miếng
131	PT.CLIP.MN	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) mạch máu não	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp) mạch máu não	Cái/Chiếc
132	PT.GAC.ESN	Gạc ép sọ não	Gạc ép sọ não	Miếng
133	PT.MKSN	Mũi khoan sọ não tự dừng	Mũi khoan sọ não tự dừng	Cái/Chiếc
134	PT.MDPT	Miếng dán phẫu trường kháng khuẩn	Miếng dán phẫu trường kháng khuẩn	Cái/Chiếc
135	C.KHBP.TI	Bộ khớp háng bán phần không xi măng phủ Titanium, bề dày lớp phủ Titanium $\geq 500\mu\text{m}$	Bộ khớp háng bán phần không xi măng phủ Titanium, bề dày lớp phủ Titanium $\geq 500\mu\text{m}$	Bộ
136	C.KHBP.CA.1	Bộ khớp háng bán phần không xi măng phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\geq 100\mu\text{m}$ và $\leq 350\mu\text{m}$	Bộ khớp háng bán phần không xi măng phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\geq 100\mu\text{m}$ và $\leq 350\mu\text{m}$	Bộ
137	C.KHBP.CA.2	Bộ khớp háng bán phần không xi măng phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\leq 60\mu\text{m}$	Bộ khớp háng bán phần không xi măng phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\leq 60\mu\text{m}$	Bộ
138	C.KHBP.TICA1	Bộ khớp háng bán phần không xi măng phủ Titanium và calcium phosphate	Bộ khớp háng bán phần không xi măng phủ Titanium và calcium phosphate	Bộ
139	C.KHBP.CD	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài	Bộ

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
140	C.KHTP.CD	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài	Bộ
141	C.KHTP.MoPTi	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE phủ Titanium, bề dày lớp phủ Titanium $\geq 500\mu\text{m}$	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE phủ Titanium, bề dày lớp phủ Titanium $\geq 500\mu\text{m}$	Bộ
142	C.KHTP.MoPCa.1	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\geq 100\mu\text{m}$ và $\leq 350\mu\text{m}$	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\geq 100\mu\text{m}$ và $\leq 350\mu\text{m}$	Bộ
143	C.KHTP.MoPCa.2	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\leq 60\mu\text{m}$	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\leq 60\mu\text{m}$	Bộ
144	C.KHTP.MoPTiCa	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE phủ Titanium và calcium phosphate	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE phủ Titanium và calcium phosphate	Bộ
145	C.KHTP.MoPREV I	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE ổ cối có thể gắn đai cố định	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE ổ cối có thể gắn đai cố định	Bộ
146	C.KHTP.MoPSPP	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE sử dụng đường mổ ít xâm lấn	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE sử dụng đường mổ ít xâm lấn	Bộ
147	C.KHTP.CoPTi	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE phủ Titanium, bề dày lớp phủ Titanium $\geq 500\mu\text{m}$	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE phủ Titanium, bề dày lớp phủ Titanium $\geq 500\mu\text{m}$	Bộ
148	C.KHTP.CoPCa.1	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\geq 100\mu\text{m}$ và $\leq 350\mu\text{m}$	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\geq 100\mu\text{m}$ và $\leq 350\mu\text{m}$	Bộ
149	C.KHTP.CoPCa.2	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\leq 60\mu\text{m}$	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\leq 60\mu\text{m}$	Bộ
150	C.KHTP.CoPTiCa	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE phủ Titanium và calcium phosphate	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE phủ Titanium và calcium phosphate	Bộ

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
151	C.KHTP.CoPREVI	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE ổ cối có thể gắn đai cố định	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE ổ cối có thể gắn đai cố định	Bộ
152	C.KHTP.CoPSPP	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE sử dụng đường mổ ít xâm lấn	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE sử dụng đường mổ ít xâm lấn	Bộ
153	C.KHTP.CoCCa.1	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\geq 100\mu\text{m}$ và $\leq 350\mu\text{m}$	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\geq 100\mu\text{m}$ và $\leq 350\mu\text{m}$	Bộ
154	C.KHTP.CoCCa.2	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\leq 60\mu\text{m}$	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic phủ calcium phosphate, bề dày lớp phủ calcium phosphate $\leq 60\mu\text{m}$	Bộ
155	C.KHTP.CoCTiCa	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic phủ Titanium và calcium phosphate	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic phủ Titanium và calcium phosphate	Bộ
156	C.KHTP.CoCSPP	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic sử dụng đường mổ ít xâm lấn	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic sử dụng đường mổ ít xâm lấn	Bộ
157	C.KHTP.CDD	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi	Bộ
158	C.KGTP.BT	Bộ Khớp gối	Bộ Khớp gối	Bộ
159	C.KGTP.TIN	Bộ Khớp gối phủ titanium	Bộ Khớp gối phủ titanium	Bộ
160	C.KVTP.RE	Khớp vai toàn phần Reverse	Khớp vai toàn phần Reverse	Bộ
161	C.KVBP	Khớp vai bán phần	Khớp vai bán phần	Bộ
162	C.KNV.GK	Khung Cố định ngoài gần khớp	Khung Cố định ngoài gần khớp	Bộ
163	C.KNV.KC	Khung Cố định ngoài khung chậu	Khung Cố định ngoài khung chậu	Bộ
164	C.KNV.CC	Khung cố định ngoài cẳng chân	Khung cố định ngoài cẳng chân	Bộ
165	C.KNT.QG	Khung Cố định ngoài qua gối	Khung Cố định ngoài qua gối	Bộ

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
166	C.KNV.CT	Khung Cổ định ngoài tay	Khung Cổ định ngoài tay	Bộ
167	C.KN.TE.1	Đinh kít ne	Đinh kít ne	Cái/Chiếc
168	C.ĐNT.DEO	Bộ đinh nội tủy đàn hồi		Bộ
168.1	C.ĐNT.DEO.Đ		Đinh nội tủy đàn hồi	Cái/Chiếc
168.2	C.ĐNT.DEO.M		Mũi của đinh nội tủy đàn hồi	Cái/Chiếc
169	C.ĐNT.LMCXD.1	Bộ đinh nội tủy liên mấu chuyển xương đùi	Bộ đinh nội tủy liên mấu chuyển xương đùi	Bộ
170	C.ĐNT.LMCXD.2	Bộ đinh nội tủy liên mấu chuyển xương đùi	Bộ đinh nội tủy liên mấu chuyển xương đùi	Bộ
171	C.ĐNT.LMCXD.3	Bộ đinh nội tủy liên mấu chuyển xương đùi	Bộ đinh nội tủy liên mấu chuyển xương đùi	Bộ
172	C.ĐNTRN.XĐ	Bộ đinh nội tủy xương đùi rỗng lòng chất liệu hợp kim Titanium		Bộ
172.1	C.ĐNTRN.XĐ.Đ		Đinh nội tủy xương đùi rỗng lòng	Cái/Chiếc
172.2	C.ĐNTRN.XĐ.V		Vít chốt đinh nội tủy dùng cho đinh nội tủy xương đùi rỗng lòng	Cái/Chiếc
173	C.ĐNTRN.XC	Bộ đinh nội tủy xương chày rỗng lòng chất liệu hợp kim Titanium		Bộ
173.1	C.ĐNTRN.XC.Đ		Đinh nội tủy xương chày rỗng lòng	Cái/Chiếc
173.2	C.ĐNTRN.XC.V		Vít chốt đinh nội tủy dùng cho đinh nội tủy xương chày rỗng lòng	Cái/Chiếc
174	C.ĐNTĐN	Bộ đinh nội tủy đặc lòng		Bộ
174.1	C.ĐNTĐN.Đ		Đinh nội tủy đặc lòng	Cái/Chiếc
174.2	C.ĐNTĐN.V		Vít chốt đinh nội tủy đặc lòng	Cái/Chiếc
175	C.DHS	Bộ nẹp vít DHS	Bộ nẹp vít DHS	Bộ
176	C.BNKDTD.TI.3	Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi		Bộ
176.1	C.NKDTD.TI.N		Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Cái/Chiếc
176.2	C.NKDTD.TI.VDT		Vít khóa đầu trên dùng cho nẹp khóa đầu trên xương đùi	Cái/Chiếc
176.3	C.NKDTD.TI.VKT		Vít khóa thân dùng cho nẹp khóa đầu trên xương đùi	Cái/Chiếc

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
177	C.NKBR.TI	Bộ Nẹp khoá xương bản rộng		Bộ
177.1	C.NKBR.TI.N		Nẹp khoá xương bản rộng	Cái/Chiếc
177.2	C.NKBR.TI.VKT		Vít khóa thân dùng cho nẹp khóa xương bản rộng	Cái/Chiếc
178	C.NKBH.TI	Bộ Nẹp khoá xương bản hẹp		Bộ
178.1	C.NKBH.TI.N		Nẹp khoá xương bản hẹp	Cái/Chiếc
178.2	C.NKBH.TI.VKT		Vít khóa thân dùng cho nẹp khóa xương bản hẹp	Cái/Chiếc
179	C.NLM.TE	Nẹp xương lòng máng	Nẹp xương lòng máng	Cái/Chiếc
180	C.NKMX.TE	Nẹp xương hình mắt xích	Nẹp xương hình mắt xích	Cái/Chiếc
181	C.NKBN.TI	Bộ Nẹp khoá xương bản nhỏ		Bộ
181.1	C.NKBN.TI.N		Nẹp khoá xương bản nhỏ	Cái/Chiếc
181.2	C.NKBN.TI.VKT		Vít khóa thân dùng cho nẹp khóa xương bản nhỏ	Cái/Chiếc
182	C.NKDNXD.T	Bộ Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn		Bộ
182.1	C.NKDNXD.T.N		Nẹp đầu ngoài xương đòn	Cái/Chiếc
182.2	C.NKDNXD.T.VK T		Vít khóa dùng cho nẹp khóa đầu ngoài xương đòn	Cái/Chiếc
183	C.NKXD.TI	Bộ Nẹp khóa xương đòn		Bộ
183.1	C.NKXD.TI.N		Nẹp xương đòn	Cái/Chiếc
183.2	C.NKXD.TI.VKT		Vít khóa thân dùng cho nẹp khóa xương đòn	Cái/Chiếc
184	C.NKDTXCT.T	Bộ Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay		Bộ
184.1	C.NKDTXCT.T.N		Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Cái/Chiếc
184.2	C.NKDTXCT.T.V K		Vít khóa thân dùng cho nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Cái/Chiếc
185	C.NKXCTSN.T	Bộ Nẹp khóa đầu dưới sau/ngoài xương cánh tay		Bộ
185.1	C.NKXCTSN.T.N		Nẹp khóa đầu dưới sau/ngoài xương cánh tay	Cái/Chiếc
185.2	C.NKXCTSN.T.V D		Vít khóa đầu nẹp dùng cho nẹp khóa đầu dưới sau/ngoài xương cánh tay	Cái/Chiếc
185.3	C.NKXCTSN.T.V T		Vít khóa thân dùng cho nẹp khóa đầu dưới sau/ngoài xương cánh tay	Cái/Chiếc

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
186	C.NKXCTT.T	Bộ Nẹp khóa đầu dưới trong xương cánh tay		Bộ
186.1	C.NKDXCTT.T.N		Nẹp khóa đầu dưới trong xương cánh tay	Cái/Chiếc
186.2	C.NKDXCTT.T.V D		Vít khóa đầu nẹp dùng cho nẹp khóa đầu dưới trong xương cánh tay	Cái/Chiếc
186.3	C.NKDXCTT.T.V T		Vít khóa thân dùng cho nẹp khóa đầu dưới trong xương cánh tay	Cái/Chiếc
187	C.BNKMK.TI	Bộ Nẹp khóa mỏm khuỷu		Bộ
187.1	C.BNKMK.TI.N		Nẹp khóa mỏm khuỷu	Cái/Chiếc
187.2	C.BNKMK.TI.VK		Vít khóa dùng cho nẹp khóa mỏm khuỷu	Cái/Chiếc
188	C.NKDDXQ.TI	Bộ Nẹp khóa đầu dưới xương quay		Bộ
188.1	C.NKDDXQ.TI.N		Nẹp khóa đầu dưới xương quay	Cái/Chiếc
188.2	C.NKDDXQ.TI.V D		Vít khóa đầu nẹp dùng cho nẹp khóa đầu dưới xương quay	Cái/Chiếc
188.3	C.NKDDXQ.TI.VT		Vít khóa thân dùng cho nẹp khóa đầu dưới xương quay	Cái/Chiếc
189	C.NKMNT.TI	Bộ Nẹp khóa mini thẳng		Bộ
189.1	C.NKMNT.TI.N		Nẹp mini thẳng	Cái/Chiếc
189.2	C.NKMNT.TI.V		Vít khóa dùng cho nẹp khóa mini	Cái/Chiếc
190	C.NKMNCL.TI	Bộ Nẹp khóa mini chữ L		Bộ
190.1	C.NKMNCL.TI.N		Nẹp mini chữ L	Cái/Chiếc
190.2	C.NKMNCL.TI.V		Vít khóa dùng cho nẹp khóa mini	Cái/Chiếc
191	C.NKDDXD.TI	Bộ Nẹp khóa đầu dưới xương đùi		Bộ
191.1	C.NKDDXD.TI.N		Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Cái/Chiếc
191.2	C.NKDDXD.TI.V		Vít khóa dùng cho nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Cái/Chiếc
192	C.NKDTNXC.TI	Bộ Nẹp khóa đầu trên ngoài xương chày		Bộ
192.1	C.NKDTNXC.TI.N		Nẹp khóa đầu trên ngoài xương chày	Cái/Chiếc
192.2	C.NKDTNXC.TI.V		Vít khóa dùng cho nẹp khóa đầu trên ngoài xương chày	Cái/Chiếc

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
193	C.NKDTTXC.TI	Bộ Nẹp khóa đầu trên trong xương chày		Bộ
193.1	C.NKDTTXC.TI.N		Nẹp khóa đầu trên trong xương chày	Cái/Chiếc
193.2	C.NKDTTXC.TI.V		Vít khóa dùng cho nẹp khóa đầu trên trong xương chày	Cái/Chiếc
194	C.NKDDNXC.TI	Bộ Nẹp khóa đầu dưới ngoài xương chày		Bộ
194.1	C.NKDDNXC.TI. N		Nẹp khóa đầu dưới ngoài xương chày	Cái/Chiếc
194.2	C.NKDDNXC.TI. V		Vít khóa dùng cho nẹp khóa đầu dưới ngoài xương chày	Cái/Chiếc
195	C.NKDDTXC.TI	Bộ Nẹp khóa đầu dưới trong xương chày		Bộ
195.1	C.NKDDTXC.TI.N		Nẹp khóa đầu dưới trong xương chày	Cái/Chiếc
195.2	C.NKDDTXC.TI.V		Vít khóa dùng cho nẹp khóa đầu dưới trong xương chày	Cái/Chiếc
196	C.NKDDXM.TI	Bộ Nẹp khóa đầu dưới xương mác		Bộ
196.1	C.NKDDXM.TI.N		Nẹp khóa đầu dưới xương mác	Cái/Chiếc
196.2	C.NKDDXM.TI.V		Vít khóa dùng cho nẹp khóa đầu dưới xương mác	Cái/Chiếc
197	C.NKXG.TI	Bộ Nẹp khóa xương gót		Bộ
197.1	C.NKXG.TI.N		Nẹp khóa xương gót	Cái/Chiếc
197.2	C.NKXG.TI.VK		Vít khóa dùng cho nẹp khóa xương gót	Cái/Chiếc
198	C.VNKD.TI	Vít rỗng nén ép không đầu chất liệu hợp kim Titanium	Vít rỗng nén ép không đầu chất liệu hợp kim Titanium	Cái/Chiếc
199	C.VXX4.TI	Vít xương xốp 4,0 mm	Vít xương xốp 4,0 mm	Cái/Chiếc
200	C.VXX65.TI	Vít xương xốp 6,5 mm	Vít xương xốp 6,5 mm	Cái/Chiếc
201	C.VXC35.TI	Vít xương cứng 3,5mm	Vít xương cứng 3,5mm	Cái/Chiếc
202	C.VXC45.TI	Vít xương cứng 4,5mm	Vít xương cứng 4,5mm	Cái/Chiếc
203	C.CT.CUON	Chỉ thép cuộn	Chỉ thép cuộn	Cái/Chiếc/ Cuộn
204	C.CT.BANHCHÉ	Chỉ thép liên kim bánh chè	Chỉ thép liên kim bánh chè	Cái/Chiếc/ Cuộn/Hộp
205	C.NS.DK.1	Bộ nội soi dọn khớp		Bộ
205.1	C.NS.DK.LBK.1		Lưỡi bào khớp	Cái/Chiếc

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
205.2	C.NS.DK.LCD.1		Lưới cắt đốt	Cái/Chiếc
205.3	C.NS.DK.DDN.1		Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Cái/Chiếc
205.4	C.NS.DK.LMX.1		Lưới mài xương	Cái/Chiếc
206	C.NS.DCALL1	Bộ nội soi tái tạo dây chằng all-inside		Bộ
206.1	C.NS.DCALL1.B		Lưới bảo khớp	Cái/Chiếc
206.2	C.NS.DCALL1.D		Lưới cắt đốt	Cái/Chiếc
206.3	C.NS.DCALL1.N		Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Cái/Chiếc
206.4	C.NS.DCALL1.VT		Vít treo gân có thể điều chỉnh độ dài	Cái/Chiếc
206.5	C.NS.KSC		Vít chỉ khâu sụn chêm	Cái/Chiếc
207	C.NS.DCALL2	Bộ nội soi tái tạo dây chằng all-inside		Bộ
207.1	C.NS.DCALL2.B		Lưới bảo khớp	Cái/Chiếc
207.2	C.NS.DCALL2.D		Lưới cắt đốt	Cái/Chiếc
207.3	C.NS.DCALL2.N		Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Cái/Chiếc
207.4	C.NS.DCALL2.VT		Vít treo gân có thể điều chỉnh độ dài	Cái/Chiếc
208	C.NS.DCTV.1	Bộ nội soi tái tạo dây chằng treo-vít		Bộ
208.1	C.NS.DCTV.B		Lưới bảo khớp	Cái/Chiếc
208.2	C.NS.DCTV.D		Lưới cắt đốt	Cái/Chiếc
208.3	C.NS.DCTV.N		Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Cái/Chiếc
208.4	C.NS.DCTV.VT		Vít treo gân có thể điều chỉnh độ dài	Cái/Chiếc
208.5	C.NS.DCTV.VCD		Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu	Cái/Chiếc
209	C.NS.CX1	Bộ nội soi chóp xoay toàn chỉ		Bộ
209.1	C.NS.CX1.B		Lưới bảo khớp	Cái/Chiếc
209.2	C.NS.CX1.D		Lưới cắt đốt	Cái/Chiếc
209.3	C.NS.CX1.N		Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Cái/Chiếc
209.4	C.NS.CX1.M		Lưới mài xương	Cái/Chiếc
209.5	C.NS.CX1.VCXTC		Vít chỉ neo cố định chóp	Cái/Chiếc

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
			xoay toàn chỉ	
209.6	C.NS.CX1.NCC		Neo chôn chỉ cố định chớp xoay	Cái/Chiếc
210	C.NS.CX2	Bộ nội soi khâu chớp xoay		Bộ
210.1	C.NS.CX2.B		Lưỡi bào khớp	Cái/Chiếc
210.2	C.NS.CX2.D		Lưỡi cắt đốt	Cái/Chiếc
210.3	C.NS.CX2.N		Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Cái/Chiếc
210.4	C.NS.CX2.M		Lưỡi mài xương	Cái/Chiếc
210.5	C.NS.CX2.VCX		Vít chỉ neo cố định chớp xoay	Cái/Chiếc
210.6	C.NS.CX2.NCC		Neo chôn chỉ cố định chớp xoay	Cái/Chiếc
211	C.NS.CX3	Bộ nội soi khâu chớp xoay		Bộ
211.1	C.NS.CX3.B		Lưỡi bào khớp	Cái/Chiếc
211.2	C.NS.CX3.D		Lưỡi cắt đốt	Cái/Chiếc
211.3	C.NS.CX3.N		Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Cái/Chiếc
211.4	C.NS.CX3.M		Lưỡi mài xương	Cái/Chiếc
211.5	C.NS.CX3.VCX		Vít chỉ neo cố định chớp xoay	Cái/Chiếc
211.6	C.NS.CX3.NCC		Neo chôn chỉ cố định chớp xoay	Cái/Chiếc
212	C.NS.SV	Bộ nội soi sụn viền		Bộ
212.1	C.NS.SV.B		Lưỡi bào khớp	Cái/Chiếc
212.2	C.NS.SV.D		Lưỡi cắt đốt	Cái/Chiếc
212.3	C.NS.SV.N		Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Cái/Chiếc
212.4	C.NS.SV.M		Lưỡi mài xương	Cái/Chiếc
212.5	C.NS.SV.NSV		Neo cố định sụn viền toàn chỉ	Cái/Chiếc
213	C.NS.QD	Bộ nội soi tái tạo cùng - đôn		Bộ
213.1	C.NS.QD.B		Lưỡi bào khớp	Cái/Chiếc
213.2	C.NS.QD.D		Lưỡi cắt đốt	Cái/Chiếc
213.3	C.NS.QD.N		Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Cái/Chiếc

STT	Mã hàng hóa (Mã HH)	Tên phần hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính
213.4	C.NS.QD.M		Lưỡi mài xương	Cái/Chiếc
213.5	C.NS.QD.VCD		Vít treo cổ định khớp cùng đòn	Cái/Chiếc
214	C.NS.CSB	Chỉ siêu bền	Chỉ siêu bền	Sợi/Cái/Chiếc
215	C.NS.VCDDC.LL	Vít treo cổ định dây chằng chéo loại lớn	Vít treo cổ định dây chằng chéo loại lớn	Cái/Chiếc
216	C.BB.15CM	Bột bó 15cm	Bột bó 15cm	Cái/Chiếc/ Cuộn
217	C.BB.10CM	Bột bó 10cm	Bột bó 10cm	Cái/Chiếc/ Cuộn
218	C.BLBB	Bông lót bó bột	Bông lót bó bột	Cái/Chiếc/ Cuộn
219	C.DAISO8	Đai số 8	Đai số 8	Cái/Chiếc
220	C.DAITHATLUN G	Đai thắt lưng	Đai thắt lưng	Cái/Chiếc
221	C.DESAULT	Đai Desault	Đai Desault	Cái/Chiếc
222	C.BOTTT	Bột thủy tinh	Bột thủy tinh	Cái/Chiếc/ Cuộn
223	C.SANGGIAY	Bộ khăn giấy nội soi khớp	Bộ khăn giấy nội soi khớp	Bộ
224	C.NEPCX	Nẹp chống xoay dài	Nẹp chống xoay dài	Cái/Chiếc
225	C.NEPOG	Nẹp ôm gối	Nẹp ôm gối	Cái/Chiếc
226	C.NEPISELIN	Nẹp ngón tay	Nẹp ngón tay	Cái/Chiếc
227	C.XDONGLOAI	Vật liệu sinh học thay thế xương - Xương đồng loại	Vật liệu sinh học thay thế xương - Xương đồng loại	Hộp/Lọ/Cái/ Chiếc/Ổng
228	C.XNHANTAO	Vật liệu sinh học thay thế xương - Xương nhân tạo	Vật liệu sinh học thay thế xương - Xương nhân tạo	Hộp/Lọ/Cái/ Chiếc/Ổng
229	C.BOVAC	Bộ vật tư hút áp lực âm		Bộ
229.1	C.BOVAC.XOP		Bộ xóp điều trị vết thương bằng áp lực âm cỡ vừa	Bộ
229.2	C.BOVAC.BINH		Bình chứa dịch vết thương	Cái/Chiếc/ Bình/Lọ
230	C.XIMANGXUON G	Sản phẩm sinh học pha kháng sinh	Sản phẩm sinh học pha kháng sinh	Cái/Chiếc/ Hộp/Lọ
231	C.DANLUUKIN	Dẫn lưu kín áp lực âm	Dẫn lưu kín áp lực âm	Cái/Chiếc
232	C.GELVT	Gel chăm sóc vết thương	Gel chăm sóc vết thương	Cái/Chiếc/ Ổng/Chai/ Tube/Tuýp

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ**TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2026

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện HNĐK Nghệ An.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện HNĐK Nghệ An, chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp], báo giá cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu Mua sắm các mặt hàng sử dụng trong chuyên khoa hồi sức tích cực, lọc máu, huyết học lâm sàng, thận nhân tạo, phẫu thuật thần kinh cột sống, chấn thương chỉnh hình, răng hàm mặt, x-quang tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An trong thời gian 24 tháng năm 2026-2028, nội dung cụ thể như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ tư vấn

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Chi phí/đơn vị	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
I	Thù lao cho chuyên gia					
1	Chuyên gia năm kinh nghiệm	Ngày				
2	Chuyên gia năm kinh nghiệm	Ngày				
...	...	...				
II	Chi phí quản lý					
III	Các chi phí khác					
1	Chi phí đi lại (xăng, xe)	...				
2	Thiết bị, tài liệu...	...				
...	...					
IV	Chi phí thu nhập chịu thuế tính trước					
V	Thuế GTGT					
TỔNG CỘNG (Đã làm tròn)						

Bằng chữ:

Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT, các loại phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác (nếu có).

Bằng chữ:

Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT, các loại phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác (nếu có).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày tháng năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:

- Đáp ứng đủ năng lực, kinh nghiệm hoàn thành gói thầu đảm bảo đúng tiến độ yêu cầu và đảm bảo chất lượng.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Chúng tôi cung cấp Hồ sơ năng lực kèm theo.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.



Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

